



Chủ Nghĩa Xã Hội Khoa Học: Lý Luận và Sứ Mệnh Lịch Sử Giai Cấp Công Nhân

Chủ nghĩa xã hội khoa học (University of Science - VNUHCM)



Scan to open on Studocu

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Câu 1: Lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân? Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

- **Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân** là những nhiệm vụ thực hiện trong quá trình xây dựng hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa, gồm các nội dung cơ bản là kinh tế, chính trị-xã hội, văn hóa, tư tưởng.

- **Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:**

Khái quát về sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân: Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh nhằm thực hiện bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Cụ thể:

+ Nội dung kinh tế:

Giai cấp công nhân đại biểu cho quan hệ sản xuất mới – xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu; ở những nước quá độ bỏ qua TBCN, giai cấp công nhân đóng vai trò nòng cốt giải phóng và thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

+ Nội dung chính trị xã hội:

Tiến hành cách mạng chính trị, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, thiết lập nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, từng bước xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

+ Nội dung văn hóa tư tưởng:

Tiến hành cách mạng về văn hóa, tư tưởng, xây dựng nền văn hóa mới trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân; phát triển văn hóa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn hiện nay các nước tư bản chủ nghĩa đang có những bước phát triển mới. Các nước xã hội chủ nghĩa, khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền, đang tiếp tục thực hiện công cuộc cải tạo xã hội cũ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân biểu hiện ở những nội dung khác nhau:

+ Về kinh tế:

Ở các nước tư bản chủ nghĩa: Giai cấp công nhân cải tạo quan hệ sản xuất tư nhân tư bản chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất mới - xã hội chủ nghĩa.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa: Giai cấp công nhân tiếp tục củng cố và xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

+ Về chính trị:

Ở các nước tư bản chủ nghĩa: Mục tiêu đấu tranh trước mắt của giai cấp công nhân là chống bất công và bất bình đẳng của xã hội, đòi quyền dân sinh, dân chủ và tiến bộ xã hội. Mục tiêu lâu dài là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Điều đó được nêu rõ trong Cương lĩnh chính trị của các đảng cộng sản ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa: Dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, giai cấp công nhân tiếp tục sự nghiệp cải cách, đổi mới để xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân, chống áp đặt, can thiệp của các nước lớn vì độc lập chủ quyền quốc gia dân tộc, vì sự tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

+ Về văn hóa, tư tưởng:

Đấu tranh ý thức giữa hệ giá trị của giai cấp công nhân và hệ giá trị của giai cấp tư sản. Đấu tranh để bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng cộng sản, Giáo dục nhận thức và củng cố niềm tin khoa học đối với lý tưởng, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giáo dục và thực hiện chủ nghĩa quốc tế chân chính của giai cấp công nhân trên cơ sở phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc.

- Điều kiện khách quan và điều kiện chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:

• Điều kiện khách quan:

- Địa vị kinh tế xã hội của giai cấp công nhân:

+ Giai cấp công nhân là bộ phận quan trọng nhất của lực lượng sản xuất và là đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, là lực lượng quyết định trong việc phá vỡ QHSX tư bản chủ nghĩa, xây dựng phương thức sản xuất mới cao hơn phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

+ Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, GCCN không có TLSX chủ yếu, phải bán sức lao động cho các nhà tư bản và bị bóc lột giá trị thặng dư nên có lợi ích cơ bản đối lập trực tiếp với lợi ích của giai cấp tư sản

- Đặc điểm chính trị của Giai cấp công nhân:

Trong tương quan với các đặc điểm chính trị của chủ nghĩa tư bản:

+ GCCN là giai cấp tiên tiến nhất

+ GCCN là giai cấp có ý thức tổ chức kỷ luật cao

+ GCCN là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để

+ GCCN có bản chất quốc tế

Những đặc điểm trên tạo nên bản lĩnh chính trị, bản chất cách mạng của giai cấp công nhân

• Điều kiện chủ quan:

a) Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng:

Chất lượng giai cấp công nhân phải thể hiện ở trình độ trưởng thành về ý thức chính trị của một giai cấp cách mạng, đó là tự giác nhận thức được vai trò và trọng trách của giai cấp mình đối với lịch sử, do đó giai cấp công nhân phải được giác ngộ về lý luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Là giai cấp đại diện tiêu biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, chất lượng giai cấp công nhân còn phải thể hiện ở năng lực và trình độ làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là trong điều kiện hiện nay, tác động của CM công nghiệp 4.0. Ngoài ra, trình độ học vấn, tay nghề, bậc thợ của công nhân, văn hóa sản xuất, văn hóa lao động đáp ứng yêu cầu của kinh tế tri thức là những thước đo quan trọng về sự phát triển chất lượng của giai cấp công nhân hiện đại.

b) Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình.

Đảng cộng sản là đội tiên phong của GCCN, là tổ chức chính trị cao nhất, là lãnh tụ chính trị, bộ tham mưu chiến đấu của GCCN, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động ĐCS và GCCN có mối quan hệ gắn bó hữu cơ. GCCN là cơ sở xã hội và nguồn bổ sung lực lượng quan trọng nhất của Đảng. Đảng mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu trung thành cho lợi ích của GCCN, của dân tộc và xã hội.

Vai trò của ĐCS: ĐCS là nhân tố có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN.

+ ĐCS có trình độ lý luận và tổ chức cao nhất để lãnh đạo giai cấp công nhân và dân tộc

+ ĐCS đem lại sự giác ngộ, sức mạnh đoàn kết, nghị lực cách mạng, trí tuệ và hành

động cách mạng cho toàn bộ giai cấp công nhân

+ ĐCS đề ra mục tiêu, phương hướng, đường lối chính sách đúng đắn, kịp

thời, phù hợp với hoàn cảnh đất nước và hoàn cảnh lịch sử

+ ĐCS giáo dục, giác ngộ, tổ chức lãnh đạo toàn dân thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN

c) Ngoài ra, để cuộc cách mạng thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đi tới thắng lợi, phải có sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác do giai cấp công nhân (thông qua đội tiên phong của nó là ĐCS) lãnh đạo.

Câu 2: Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam?

Tại Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Đảng ta đã xác định: “Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp hoặc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có tính chất công nghiệp”. Giai cấp công nhân Việt Nam mang những đặc điểm chủ yếu sau đây:

- Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam:

Về hoàn cảnh ra đời:

+ Giai cấp công nhân VN ra đời đầu thế kỷ XX, gắn với cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, trong hoàn cảnh một nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến

+ Giai cấp công nhân VN có tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, đoàn kết.

+ Về nguồn gốc xã hội: GCCN VN có nguồn gốc chủ yếu xuất thân từ nông dân và các tầng lớp lao động khác (mang tàn dư tâm lý tiểu nông)

+ Về quan hệ với các giai tầng: GCCN VN gắn bó mật thiết với các tầng lớp nhân dân lao động, đối kháng trực tiếp với tư bản thực dân Pháp, không đối kháng trực tiếp với tư sản dân tộc, liên minh chặt chẽ với nông dân, trí thức và các tầng lớp lao động khác.

+ Về tư tưởng chính trị: GCCN trưởng thành nhanh chóng về ý thức chính trị, thống nhất tư tưởng và tổ chức, sớm có Đảng lãnh đạo nên được giác ngộ lý tưởng, mục tiêu cách mạng, có tinh thần cách mạng triệt để.

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay:

+ Tăng nhanh về số lượng, chất lượng, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường.

+ Đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp có mặt trong mọi thành phần kinh tế. Trong đó, đội ngũ công nhân ở khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo trong sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

+ Hình thành đội ngũ công nhân tri thức, nắm vững KHCN tiên tiến, lao động chủ yếu ở những ngành kinh tế mũi nhọn. Công nhân Việt Nam ngày càng trẻ hóa, được đào tạo, có trình độ học vấn, được rèn luyện trong thực tiễn là lực lượng chủ đạo trong cơ cấu giai cấp công nhân, trong lao động và phong trào công đoàn.

=> Để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam xây dựng phát triển giai cấp công nhân lớn mạnh hiện đại, phải đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng làm cho đảng lãnh đạo cầm quyền thực sự trong sạch, vững mạnh.

- Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay:

+ Về kinh tế - xã hội: giai cấp công nhân là nguồn nhân lực lao động chủ yếu tham gia phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, làm cho nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Về chính trị xã hội: Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản củng cố và hoàn thiện hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

+ Về văn hóa tư tưởng: Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nội dung cốt lõi là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chống lại những quan điểm sai trái, sự xuyên tạc của các thế lực thù địch, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Câu 3: Lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về tính tất yếu, đặc điểm, của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội? Đặc điểm và thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

- **Quan niệm:** Thời kỳ quá độ là thời kỳ cải tạo cách mạng lâu dài, sâu sắc, triệt để xã hội tư bản chủ nghĩa hoặc xã hội tiền tư bản chủ nghĩa, trên tất cả các lĩnh vực đời sống của xã hội, từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và đời sống tinh thần cho chủ nghĩa xã hội. Có 2 hình thức: trực tiếp (từ CNTB phát triển) hoặc gián tiếp (từ CNTB chưa phát triển hoặc tiền CNTB).

- Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản khác nhau về bản chất:

Chủ nghĩa tư bản:

- + Được xây dựng trên cơ sở chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về các tư liệu sản xuất
- + Dựa trên chế độ áp bức và bóc lột
- + Đối kháng giai cấp
- + Nhà nước của thiểu số trấn áp đại đa số

Chủ nghĩa xã hội:

- + Xây dựng trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất
- + Không còn tình trạng áp bức và bóc lột
- + Không còn đối kháng giai cấp
- + Nhà nước của đại đa số trấn áp thiểu số

=> Sự so sánh trên chứng tỏ rằng chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội tốt đẹp, là xã hội con người mơ ước đến. Và vì khác biệt về bản chất, nên nhất định phải trải qua một khoảng thời gian dài để đi lên xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một giai đoạn cần có.

Chủ nghĩa tư bản tạo ra tiền đề cơ sở vật chất- kỹ thuật nhất định cho chủ nghĩa xã hội, nhưng để cơ sở vật chất- kỹ thuật đó phục vụ cho chủ nghĩa xã hội cần phải có thời gian tổ chức, sắp xếp lại. Đặc biệt đối với những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản mà gián tiếp tiến lên chủ nghĩa xã hội như Việt Nam, không có được cơ sở vật chất do chủ nghĩa tư bản tạo ra, nên cần thời gian dài, khó khăn hơn, phức tạp hơn để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

Các quan hệ của chủ nghĩa xã hội không tự phát trong lòng chủ nghĩa tư bản, các quan hệ đó là kết quả của quá trình xây dựng và cải tạo chủ nghĩa xã hội. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản mới chỉ tạo ra những điều kiện, tiền đề cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội. Quan hệ xã hội có nhiều các quan hệ khác nhau, nổi bật là quan hệ sản xuất. Trong đó quan hệ chi phối quan hệ sản xuất là quan hệ sở hữu. Bản chất của chế độ chủ nghĩa xã hội là dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Mà chế độ này không hề tồn tại bên trong lòng chủ nghĩa tư bản, nên khi đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, cần phải có thời gian tiền đề để xây dựng quan hệ xã hội mới.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công cuộc mới, khó khăn và phức tạp, phải cần có

thời gian để giai cấp công nhân từng bước làm quen:

- Mới mẻ ở chỗ đây là một công việc mà công nhân và giai cấp lao động chưa từng làm. Sau khi giành được chính quyền, công nhân và những người lao động, mới bắt đầu quản lý kinh tế xã hội và tất cả các mặt của xã hội. Từ giai cấp bị trị trở thành giai cấp lãnh đạo xã hội, vì vậy mà CN và giai cấp lao động phải từng bước làm quen với công việc đó.

-Khó khăn phức tạp vì diễn ra ở nhiều lĩnh vực, bên cạnh đó còn có sự tham gia chống phá của các thế lực thù địch.

=> Thời kỳ cải biến xã hội sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực, để tạo ra những điều kiện, tiền đề cho chủ nghĩa xã hội ra đời và phát triển cần có thời kỳ quá độ.

2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

- Thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: Là thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa sang xã hội chủ nghĩa. Xã hội của thời kỳ quá độ là xã hội có sự đan xen của nhiều tàn dư về mọi phương diện kinh tế, đạo đức, tinh thần của chủ nghĩa tư bản và những yếu tố mới mang tính chất xã hội chủ nghĩa của chủ nghĩa xã hội mới phát sinh

- Đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ: là thời kỳ cải tạo cách mạng sâu sắc, triệt để xã hội cũ trên tất cả các lĩnh vực => Thời kỳ lâu dài, gian khổ bắt đầu từ khi giành chính quyền đến khi xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

• Trên lĩnh vực kinh tế:

Tồn tại nhiều thành phần kinh tế, trong đó có cả những thành phần kinh tế đối lập với kinh tế xã hội chủ nghĩa hay gọi là phi xã hội chủ nghĩa. Các thành phần kinh tế này tồn tại đan xen, đấu tranh với nhau, giữa một bên là thành phần kinh tế đi theo chủ nghĩa xã hội và những thành phần kinh tế tự phát, đi theo chủ nghĩa tư bản. Các thành phần kinh tế chủ nghĩa xã hội (như thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài,...) nó sẽ dẫn dắt các thành phần kinh tế khác đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng bên cạnh đó, những thành phần kinh tế tự phát (tệ nạn tham ô, tham nhũng, tệ quan liêu,...) sẽ tồn tại, kìm hãm. Hai thành phần tồn tại song song với nhau, và quá trình đấu tranh này được diễn ra gay gắt.

• Trên lĩnh vực chính trị:

Trong thời kỳ quá độ, nhà nước chuyên chính vô sản phải được thiết lập, củng cố và ngày càng hoàn thiện. Vì giai cấp tư bản mới vừa bị đánh đổ nhưng chưa từ bỏ âm mưu là khôi phục lại địa vị nên sẽ cấu kết với những thế lực phản động nhằm mục đích chống phá nhà nước xã hội chủ nghĩa còn non trẻ.

• Trên lĩnh vực xã hội:

Cơ cấu xã hội giai cấp ở thời kỳ này đa dạng, phức tạp, còn tồn tại nhiều những tệ nạn, những tàn dư của xã hội cũ. Tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp khác nhau, vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau. Bên cạnh đó còn tồn tại khoảng cách về trình độ phát triển giữa nông thôn với thành thị, vùng sâu vùng xa với đồng bằng, giữa dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, giữa lao động trí óc với lao động chân tay. Do đó, đấu tranh chống bất công, xóa bỏ tàn dư cũ, thiết lập công bằng xã hội, nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ đạo

• Trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng:

Tồn tại nhiều yếu tố tư tưởng và văn hóa khác nhau. Yếu tố tư tưởng, văn hóa cũ và mới thường xuyên đấu tranh với nhau

=> Đảng cộng sản từng bước xác lập và xây dựng hệ tư tưởng và nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

3. Tại Việt Nam (tính tất yếu, đặc điểm, thực chất)

Việt Nam lựa chọn từ một nước thuộc địa nửa phong kiến tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

• **Đặc trưng cơ bản:**

+ Xuất phát từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Đất nước trải qua chiến tranh ác liệt, kéo dài nhiều thập kỷ, hậu quả để lại còn nặng nề. Những tàn dư thực dân, phong kiến còn nhiều. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập dân tộc của nhân dân ta

+ Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống của các dân tộc. Những xu thế đó vừa tạo thời cơ phát triển nhanh cho các nước, vừa đặt ra những thách thức gay gắt.

+ Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cho dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu Các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, song theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

• **Thực chất con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:**

+ Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường cách mạng tất yếu khách quan, con đường xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

+ Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa.

+ Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đòi hỏi phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là những thành tựu về khoa học và công nghệ, thành tựu về quản lý phát triển xã hội, đặc biệt là xây dựng nền kinh tế hiện đại, phát triển nhanh lực lượng sản xuất.

+ Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực, là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao và khát vọng lớn của toàn Đảng, toàn dân.

Câu 4: Lý luận của chủ nghĩa Mác- lenin đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Quan niệm của đảng cộng sản VN về mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội.

- Chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.

- Chủ nghĩa xã hội là xã hội do nhân dân lao động làm chủ.

- Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, ý chí, quyền lực của nhân dân lao động.

- Chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Chủ nghĩa xã hội bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Đặc trưng mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trong cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, năm 2011), Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam đang xây dựng có những đặc

trung sau:

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh
- Do nhân dân làm chủ
- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp.
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.
- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.
- Có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng cộng sản lãnh đạo.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Câu 5. Lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin về bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa? Đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

- Dân chủ xuất phát từ cụm từ “Demoskratos” trong tiếng Hy Lạp cổ đại, có nghĩa là quyền lực thuộc về nhân dân (hay nhân dân là chủ thể quyền lực). Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, đây là hiện tượng văn hóa và cũng là mục tiêu, tiền đề, phương thức để giải phóng con người. Như vậy, dân chủ là một giá trị xã hội phản ánh những quyền cơ bản của con người; là một phạm trù chính trị gắn với các hình thức tổ chức nhà nước của giai cấp cầm quyền; là một phạm trù lịch sử gắn với quá trình ra đời, phát triển của lịch sử xã hội nhân loại
- Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ có trong lịch sử nhân loại, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa:

- Bản chất chính trị: sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đảng của nó đối với toàn xã hội, nhưng không chỉ thực hiện quyền lực và lợi ích riêng của giai cấp công nhân mà chủ yếu thực hiện quyền lực và lợi ích cho toàn thể nhân dân, trong đó có giai cấp công nhân. Do đó, dân chủ xã hội chủ nghĩa mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc
- Bản chất kinh tế: thực hiện chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu và thực hiện chế độ phân phối theo kết quả lao động là chủ yếu; đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân trong quá trình sản xuất kinh doanh, quản lý, phân phối. grid grub
- Bản chất tư tưởng - văn hóa - xã hội: dựa trên hệ tư tưởng Mác - Lênin, Thuyết đồng thời kế thừa, phát huy tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc và những giá trị tư tưởng - văn hóa nhân loại; đảm bảo nhân dân được làm chủ những giá trị văn hóa tinh thần, được nâng cao trình độ văn hóa, có điều kiện phát triển cá nhân, có sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích của toàn xã hội.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam:

Ở Việt Nam, chế độ dân chủ đã được xác lập ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã hình thành và phát triển qua các thời kỳ cách mạng. Qua mỗi kỳ đại hội của Đảng, vấn đề dân chủ ngày càng được nhận thức, phát triển và hoàn thiện hơn, phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước. Từ khi nước ta bước vào công cuộc đổi mới, quá trình dân chủ hóa mọi mặt của đời sống xã hội đã trở thành một mắt khâu quan trọng trong toàn bộ công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay. Đặc biệt, Đại hội IX đã bổ sung nội dung “dân chủ” vào mục tiêu chung của cách mạng Việt Nam: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

- Vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - Dân chủ gắn liền với kỷ cương và phải thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm.
 - Được thực hiện thông qua hình thức dân chủ gián tiếp và dân chủ trực tiếp
- Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay
- Xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo ra cơ sở kinh tế vững chắc cho xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa
 - Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh với tư cách điều kiện tiên quyết để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
 - Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh với tư cách điều kiện để thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa.
 - Nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa
 - Xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phản biện xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân

Đặc điểm nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam:

- Xây dựng nhà nước pháp quyền cho nhân dân lao động làm chủ- NN của dân, do dân, vì dân
- Nhà nước đc tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của Hiến Pháp và Pháp luật
- Quyền lực nhà nước thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan; lập pháp, hành pháp, tư pháp
- Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam phải do ĐCSVN lãnh đạo. Hoạt động NN được giám sát bởi nhân dân: “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”
- Nhà nước pháp quyền XHCN ở Vn tôn trọng quyền con người, coi con người là trung tâm của sự phát triển
- Tổ chức và hoạt động của NN theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, nhưng bảo đảm quyền lực là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của trung ương

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN

- Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- Cải cách thể chế và phương thức hoạt động của nhà nước.
- Đấu tranh phòng, chống tham nhũng.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực.

Nhân dân phải đc làm chủ một cách toàn diện: Làm chủ NN, làm chủ XH, làm chủ chính bản thân mình. Dân chủ phải bao quát mọi lĩnh vực của đời sống XH: Dân chủ trong kinh tế, trong ctri, kinh tế, trong lĩnh vực văn hóa tinh thần

Câu 6. Lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về tính tất yếu của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội? Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

Câu 7. Nội dung Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin? Đặc điểm dân tộc Việt Nam và chính sách dân tộc của nhà nước Việt Nam hiện nay?

• **Cương lĩnh dân tộc của Chủ nghĩa Mác-Lênin;**

- **Cơ sở lý luận và thực tiễn để Lenin xây dựng Cương lĩnh dân tộc:**

+ Quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

+ Mỗi quan hệ giữa hai xu hướng của phong trào dân tộc trong thời đại của chủ nghĩa đế quốc

+ Thực tiễn phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX.

+ Thực tiễn phong trào cách mạng của nước Nga cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

- Nội dung Cương lĩnh dân tộc của Chủ nghĩa Mác - Lênin:

Một là, các dân tộc hoàn toàn bình đẳng:

+ Các dân tộc đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, được tôn trọng và đối xử như nhau trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong quan hệ xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa, không dân tộc nào được quyền đi áp bức, bóc lột đối với dân tộc khác.

+ Quyền bình đẳng dân tộc phải được thể hiện trên cơ sở pháp lý, nhưng quan trọng hơn phải được thực hiện trên thực tế.

+ Thủ tiêu trình trạng áp bức giai cấp, trên cơ sở đó xóa bỏ tình trạng áp bức dân tộc; Phải đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan

+ Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc.

Hai là các dân tộc được quyền tự quyết.

+ Đó là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.

+ Quyền tự quyết dân tộc bao gồm quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

+ Quyền tự quyết dân tộc không đồng nhất với “quyền” của các tộc người thiểu số trong một quốc gia đa tộc người.

Ba là liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc:

+ Nội dung này phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.

+ Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở lý luận quan trọng để các đảng cộng sản vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thực chất vấn đề DT là vấn đề giai cấp, thực chất của áp bức DT là áp bức giai cấp.

Cho nên “hãy xóa bỏ nạn áp bức giai cấp thì nạn áp bức DT cũng không còn nữa”

V.I.Lênin

• Vấn đề dân tộc ở VN hiện nay

Đặc điểm dân tộc của VN

a. Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người

VN có 54 dân tộc:

Dân tộc Kinh: 73,5tr người chiếm 85,7% dân số cả nước 53 dân tộc thiểu số: 12,3tr người, chiếm 14,3% dân số.

Tỉ lệ số dân giữa các dt cx ko đồng đều: có dân tộc dân số > 1tr người; có dân tộc chỉ vài trăm người

Phải chú ý phát triển dân số ở những dân tộc ít người

b. Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau

c. VN vốn là nơi chuyển cư của nhiều dân tộc ở khu vực ĐNA, vì thế ko có dân tộc nào có lãnh thổ riêng, ko có tỉnh nào chỉ có 1 dân tộc

- Thuận lợi:

+ dân tộc tăng cường hiểu biết lẫn nhau, mở rộng giao lưu giúp đỡ nhau cùng phát triển.

+ Tạo nên sự đa dạng văn hóa-> phát triển du lịch là lợi thế

- Khó khăn:

Đội nên

+ Dễ nảy sinh mâu thuẫn, xung đột-> lợi dụng phá hoại an ninh chính trị chi trị và sự thống nhất của đất nước

+ Dễ làm mai một văn hóa các dân tộc ít người

d. Phải chú ý xây dựng khối đại đoàn kết DT, giữ gìn bản sắc và các DT

- Dân tộc thiểu số phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng

+ 53 dt thiểu số: 14,3% dân số, nhưng lại cư trú trên 3% lãnh thổ và chủ yếu; vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa của đất nước=> trọng yếu về: KT, an ninh, quốc phòng, môi trường sinh thái

+ 1 số dân tộc có quan hệ dòng tộc với các dân tộc ở các nước láng giềng: Dân tộc Thái, Mông, Khơ me, Hoa...

+ Thuận lợi: đồng bào chăm chỉ, yêu nước để bảo vệ TQ

+ Khó khăn: trình độ dân trí thấp=> thế lực thù địch xấu, lợi dụng để chống phá khối đại đoàn kết dt

=> Phải phát triển dân trí dân tộc, nâng cao dtri cho người dân

- Các dt ở VN có trình độ phát triển không đều:

+ Để thực hiện bình đẳng dân tộc trên thực tế, từng bước giảm, tiến tới xóa bỏ khoảng cách phát triển giữa các dt => là nội dung quan trọng trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước VN để các DT thiểu số phát triển nhanh và bền vững

+ Phải CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn, phát triển giáo dục đào tạo

e. Các dân tộc có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất.

- Được hình thành do yêu cầu của quá trình cải biến tự nhiên và nhu cầu phải hợp sức, hợp quần để cùng đấu tranh chống ngoại xâm nên dân tộc Việt Nam đã hình thành từ rất sớm và tạo ra độ kết dính cao giữa các dân tộc.

- Đoàn kết dân tộc trở thành truyền thống quý báu của các dân tộc ở Việt Nam, là một trong những nguyên nhân và động lực quyết định mọi thắng lợi của dân tộc trong các giai đoạn lịch sử; đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược để giành độc lập thống nhất Tổ quốc. Ngày nay, để thực hiện thắng lợi chiến lược xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam, các dân tộc thiểu số cũng như đa số phải ra sức phát huy nội lực, giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, nâng cao cảnh giác, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

f. Các dân tộc ở Việt Nam có bản sắc riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn VN

- Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Trong văn hóa của mỗi dân tộc đều có những sắc thái độc đáo riêng góp phần làm cho nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng.

- Sự thống nhất đó, suy cho cùng là bởi, các dân tộc đều có chung một lịch sử dựng nước và giữ nước, đều sớm hình thành ý thức về một quốc gia độc lập, thống nhất.

- Xuất phát từ đặc điểm cơ bản của dân tộc Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn quan tâm đến chính sách dân tộc, xem đó là vấn đề chính trị - xã hội rộng lớn và toàn diện gắn liền với các mục tiêu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Câu 8: Nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin trong giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin trong giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân

- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới

- Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo hội

Vấn đề tôn giáo ở VN hiện nay

Việt Nam là một quốc gia có nhiều tín ngưỡng, tôn giáo cùng tồn tại lâu đời trong lịch sử của dân tộc. Mặc dù đức tin, giáo lý và sự thờ phụng của đồng bào theo các tôn giáo khác nhau nhưng đều có điểm tương đồng ở tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, truyền thống văn hóa và luôn đồng hành cùng dân tộc cả trong cách mạng giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Chính vì thế, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định chủ trương, chính sách nhất quán là tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào các dân tộc. Trên thực tế, mọi tôn giáo ở Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật, được pháp luật bảo vệ, được tự do hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, không một tôn giáo nào hoạt động đúng pháp luật mà bị chính quyền ngăn cấm. Chức sắc, tín đồ các tôn giáo luôn gắn bó với quốc gia, dân tộc theo phương châm “Đạo pháp dân tộc và CNXH”, thực hiện “sống phúc âm trong lòng dân tộc”, “nước vinh đạo sáng”, vừa làm tròn bổn phận của tín đồ đối với tôn giáo, vừa hăng hái lao động sản xuất, góp phần cùng toàn dân đẩy mạnh thực hiện công cuộc đổi mới, CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, các thế lực thù địch cùng các tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí lại ra sức tung tin xuyên tạc, bịa đặt về tình hình tôn giáo tại Việt Nam. Chúng lợi dụng một số phần tử đội lốt tôn giáo, vi phạm luật pháp và bị pháp luật xử lý để vu cáo Việt Nam đàn áp tôn giáo, ngăn cấm xây, sửa nơi thờ tự, cản trở các hoạt động tín ngưỡng của các chức sắc tôn giáo, nhà tu hành,... Mục đích của chúng là lợi dụng lòng tin của nhân dân để thực hiện các động cơ chính trị đi ngược lại lợi ích quốc gia, dân tộc, kích động quần chúng chống phá, gây rối an ninh trật tự, nhằm hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, tiến tới xóa bỏ chế độ XHCN ở nước ta.

Trong những năm qua, Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã nỗ lực thực hiện một cách toàn diện từ việc hoàn thiện hệ thống pháp luật đến việc triển khai thực hiện việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho nhân dân. Các bản hiến pháp của nước Việt Nam đều có các điều, khoản về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân; Quốc hội Khóa XI đã ban hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo;....

Câu 9. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội? Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH

- Cơ sở kinh tế - xã hội:

- + Xây dựng QHSX mới XHCN - cốt lõi là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Xóa bỏ nguồn gốc tạo nên sự thống trị của người đàn ông trong gia đình.
- + Tạo cơ sở kinh tế cho việc xây dựng quan hệ bình đẳng trong gia đình và giải phóng phụ nữ trong XH
- + Là cơ sở hôn nhân được hình thành dựa trên cơ sở tình yêu chứ không vì lí do kinh tế, địa vị XH hay 1 tính toán nào khác.

- Cơ sở chính trị - XH:

- + Thiết lập chế độ nhà nước XHCN - nhà nước của GCCN và nhân dân lao động:
- + Xây dựng hệ thống pháp luật
- + XD chính sách XH bảo đảm lợi ích của công dân, các thành viên trong gia đình bảo đảm bình đẳng giới: chính sách dân số, việc làm, y tế, bảo hiểm xã hội.
- + Định hướng XD gia đình mới XHCN, đồng thời thực hiện việc giải phóng phụ nữ.

- Cơ sở văn hóa:

- + Xây dựng giá trị VH trên nền tảng hệ tư tưởng của GCCN - hệ tư tưởng về giải phóng con người

- + Từng bước xóa bỏ những luật lệ, phong tục, tập quán lạc hậu
- + Phát triển hệ thống giáo dục, khoa học - công nghệ => nâng cao trình độ dân trí
- => Hình thành những giá trị chuẩn mực mới, điều chỉnh các mối quan hệ gia đình trong quá trình xây dựng CNXH.

Chế độ hôn nhân tiến bộ:

- Hôn nhân tự nguyện:

- + Là hôn nhân xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ
- + Đảm bảo cho nam nữ có quyền tự do trong việc lựa chọn người kết hôn, không chấp nhận sự áp đặt. Tất nhiên, hôn nhân tự nguyện không bác bỏ việc cha mẹ quan tâm, hướng dẫn giúp đỡ con cái có nhận thức đúng, có trách nhiệm trong việc kết hôn
- + Quyền tự do ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn nữa.
- + Thực hiện bình đẳng tôn trọng lẫn nhau giữa vợ chồng trong giải quyết vấn đề
- + Là cơ sở cho sự bình đẳng giữa cha mẹ với con cái và giữa anh chị em với nhau.

- Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng

- + Là điều kiện đảm bảo hạnh phúc gia đình, đồng thời cũng phù hợp với quy luật tự nhiên, phù hợp với tâm lý, tình cảm, đạo đức con người.
- + Là thực hiện sự giải phóng đối với phụ nữ, thực hiện sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng.
- + Là thực hiện sự giải phóng đối với phụ nữ, thực hiện sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng.
- + Là cơ sở cho sự bình đẳng giữa cha mẹ với con cái và giữa anh chị em với nhau.

- Đảm bảo về mặt pháp lý:

- + Quan hệ hôn nhân, gia đình thực chất không phải là vấn đề riêng tư của mỗi gia đình mà là quan hệ xã hội.
- + Khi hai người đã thỏa thuận đi đến kết hôn, tức là đã đưa quan hệ riêng bước vào quan hệ xã hội, thì phải có sự thừa nhận của xã hội, điều đó được biểu hiện bằng thủ tục pháp lý trong hôn nhân.

Vấn đề gia đình và xây dựng gia đình ở VN hiện nay.

- Biến đổi về quy mô, kết cấu của gia đình:

Cấu trúc gia đình truyền thống giải thể, gia đình đơn hay còn gọi là gia đình hạt nhân đang trở nên rất phổ biến ở cả đô thị và nông thôn - thay thế cho kiểu gia đình truyền thống từng giữ vai trò chủ đạo trước đây. Quy mô gia đình ngày nay tồn tại xu hướng thu nhỏ, đáp ứng những nhu cầu và điều kiện của thời đại mới đặt ra. Sự bình đẳng nam - nữ được đề cao hơn, cuộc sống riêng tư của con người được tôn trọng hơn. Tuy nhiên, quá trình biến đổi đó cũng gây những phản chức năng như tạo ra sự ngăn cách không gian giữa các thành viên trong gia đình, tạo khó khăn, trở lực trong việc gìn giữ tình cảm cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình. Các thành viên ít giao tiếp với nhau hơn, làm cho mối quan hệ gia đình trở nên rời rạc, lỏng lẻo...

- Biến đổi các chức năng của gia đình:

- + Chức năng tái sản xuất ra con người: Do thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại, mỗi gia đình chủ động, tự giác hơn trong thực hiện chức năng sinh đẻ: số lượng con, thời điểm sinh con. Trong gia đình hiện đại, sự bền vững của hôn nhân phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố tâm lý, tình cảm, kinh tế, chứ không phải chức năng sinh đẻ.
- + Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng: Gia đình là một chủ thể sản xuất, kinh doanh, cung cấp hàng hóa và tiêu thụ hàng hóa trên thị trường. Sự phát triển của kinh tế gia đình chịu sự tác động của các quy luật thị trường.
- + Chức năng giáo dục (xã hội hóa): Giáo dục gia đình hiện nay phát triển theo xu hướng sự đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên. Nội dung giáo dục gia đình hiện nay không chỉ nặng về giáo dục đạo đức, ứng xử trong gia đình,

dòng họ, làng xã, mà hướng đến giáo dục kiến thức khoa học hiện đại, trang bị công cụ để con cái hòa nhập với thế giới. Tuy nhiên, sự phát triển của hệ thống giáo dục xã hội, cùng với sự phát triển kinh tế hiện nay, vai trò giáo dục của các chủ thể trong gia đình có xu hướng giảm.

+ Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm: Trong xã hội hiện đại, độ bền vững của gia đình không chỉ phụ thuộc vào sự ràng buộc của các mối quan hệ về trách nhiệm, nghĩa vụ giữa vợ và chồng; cha mẹ và con cái; sự hy sinh lợi ích cá nhân cho lợi ích gia đình, mà nó còn bị chi phối bởi các mối quan hệ hòa hợp tình cảm giữa chồng và vợ; cha mẹ và con cái, sự đảm bảo hạnh phúc cá nhân, sinh hoạt tự do, chính đáng của mỗi thành viên gia đình trong cuộc sống chung.

Việc thực hiện chức năng này là một yếu tố rất quan trọng tác động đến sự tồn tại, bền vững của hôn nhân và hạnh phúc gia đình.

- Sự biến đổi quan hệ gia đình:

+ Quan hệ hôn nhân và quan hệ vợ chồng ngày càng bình đẳng. Trong gia đình Việt Nam hiện nay, không còn một mô hình duy nhất là đàn ông làm chủ gia đình. Ngoài mô hình này còn có mô hình gia đình mà người phụ nữ - người vợ làm chủ gia đình và mô hình cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình.

+ Quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình: Mâu thuẫn giữa các thế hệ là vấn đề chủ yếu, thường xuyên của gia đình trong mọi thời đại. Tuy nhiên, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, do mô hình gia đình thu nhỏ, số con của mỗi gia đình chỉ từ 1 đến 2, nên mâu thuẫn giữa các thế hệ trong gia đình giảm đi.